

UBND HUYỆN CẨM XUYÊN**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾT TẬT**
Học kỳ I năm 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ -UBND ngày tháng 11 năm 2022 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Học kỳ I năm học 2022-2023						Tổng cộng
		Hỗ trợ học bổng			Hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập			
		Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	
A	B	1	2	3=1*2*(80%MLC S)	4	5	6	7=3+6
I	Khối Mầm non	4		19.072	4		-	19.072
1	Trường MN Cẩm Lạc	1	4	4.768			-	4.768
2	Trường MN Cẩm Dương	1	4	4.768			-	4.768
3	Trường MN Cẩm Nhượng	1	4	4.768			-	4.768
4	Trường MN Cẩm Quang	1	4	4.768			-	4.768
II	Khối tiểu học	25		119.200	0		-	119.200
5	Trường TH Cẩm Lạc	2	4	9.536			-	9.536
6	Trường TH Cẩm Sơn	1	4	4.768			-	4.768
7	Trường TH Cẩm Hà	2	4	9.536			-	9.536
8	Trường TH Cẩm Hưng	1	4	4.768			-	4.768
9	Trường TH Nam Phúc Thăng 1	2	4	9.536			-	9.536
10	Trường THNam Phúc Thăng 2	2	4	9.536			-	9.536
11	Trường TH TT Thiên Cầm	2	4	9.536			-	9.536
12	Trường TH Yên Hòa	1	4	4.768			-	4.768
13	Trường TH Cẩm Thạch	1	4	4.768			-	4.768
14	Trường TH Cẩm Mỹ	2	4	9.536			-	9.536
15	Trường TH Cẩm Duệ	3	4	14.304			-	14.304
16	Trường TH Cẩm Bình	1	4	4.768			-	4.768
17	Trường TH Cẩm Vĩnh	3	4	14.304			-	14.304
18	Trường TH & THCS P.Đ.giốt	2	4	9.536			-	9.536
II	Khối THCS	12		57.216	-	0	-	57.216
19	Trường THCS Minh Lạc	3	4	14.304			-	14.304
20	Trường THCS Sơn Hà	3	4	14.304			-	14.304

STT	Chỉ tiêu	Học kỳ I năm học 2022-2023						Tổng cộng
		Hỗ trợ học bổng			Hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập			
		Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	
A	B	1	2	3=1*2*(80%MLC S)	4	5	6	7=3+6
21	Trường THCS Cẩm Dương	1	4	4.768			-	4.768
22	Trường THCS Cẩm Hòa	1	4	4.768			-	4.768
23	Trường THCS Nguyễn Hữu Thái	2	4	9.536			-	9.536
24	Trường THCS Cẩm Bình	2	4	9.536			-	9.536
	Tổng cộng	41	0	195.488	4		0	195.488
Danh sách này có 41 em								
Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn.								